TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2018
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vụ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan.
2. Bà Dương Thị Ngọc Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Huệ.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm T - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp 2, xã Mỹ Thạnh B, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trà Thanh Nh - Sinh năm 1987 - Địa chỉ: Ấp 1, xã Mỹ Thạnh B, huyện C, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/11/2017 các văn bản tiếp theo bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày và yêu cầu: Bà và ông Trà Thanh Nh cưới nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc ngày 22/12/2009. Chung sống hạnh phúc đến năm 2010, phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn và bất đồng gay gắt về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau. Bà và ông Nh đã ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay.

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Trà Thanh Nh.

- Về nuôi con chung: Bà và ông Nh có 02 con chung tên Trà Thanh Hưng, sinh ngày 14/10/2010 và Trà Thanh Chiến, sinh ngày 31/01/2014 hiện hai con

chung đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trà Thanh Nh được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trà Thanh Nh, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà T và ông Nh chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thạnh Bắc, huyện Đức Huệ ngày 22/12/2009. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Nh là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[3] Bà Nguyễn Thị Cẩm T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

[4] Trong thời gian Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Trà Thanh Nh được niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng ông Nh không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử xét đơn khởi kiện của bà T theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, ông Nh không được quyền khiếu nại về việc cung cấp chứng cứ và tham gia phiên tòa vì ông không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông theo quy định pháp luật.

[5] Ông Nh đã được tống đạt và niêm yết hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án nhưng ông không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không có mặt để tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó, xét nội dung vụ án theo trình bày của bà T.

[6] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Cẩm T: Bà T không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh cho trình bày và yêu cầu của bà là có căn cứ và hợp pháp. Xét bà T và ông Nh phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên cải vã nhau, bà T và ông Nh ly thân từ tháng 9/2016 đến nay và hiện nay vẫn đang sống ly thân, tự mỗi người lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau. Mâu thuẫn giữa bà T và ông Nh đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ, phù hợp quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[7] Về nuôi con chung: Xét bà T và ông Nh có 02 con chung tên Trà Thanh Hưng, sinh ngày 14/10/2010 và Trà Thanh Chiến, sinh ngày 31/01/2014 hiện hai con chung đang sống cùng bà T, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp theo nguyện vọng của con chung tên Hưng và phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 107 và 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[8] Xét về tài sản chung và nợ chung: Bà T trình bày không có, không yêu cầu không đề cập giải quyết. Nếu sau này xảy ra tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác là phù hợp.

[9] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn được khấu trừ 300.000 tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà T đã nộp đủ án phí. Ông Nh không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và 107 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T đối với ông Trà Thanh Nh về việc "ly hôn".

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được ly hôn với ông Trà Thanh Nh.

Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Trà Thanh Hưng, sinh ngày 14/10/2010 và Trà Thanh Chiến, sinh ngày 30/01/2014 hiện hai con chung đang sống cùng bà T, ông Trà Thanh Nh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trà Thanh Nh được quyền tới lui, thăm nom và chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích của con chung, bà T và ông Nh được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu, không đề cập giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (biên lai thu số 0008128 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ), bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Thị Vụ